



Số: 006223 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05429.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU – VINAMILK ADM GOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-20
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	04/04/2018
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	04/04/2018
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/kg	04/04/2018
4	Chì (Pb)	HD.PP.08/TT.AAS - Ref. AOAC 973.35 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	04/04/2018
5	Antimon (Sb)	HD.PP.05/TT.AAS-Ref. AOAC 964.16 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	04/04/2018
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (a)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	06/04/2018
7	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	04/04/2018
8	Enterobacteriaceae	TCVN 5518-2:2007 [ISO 21528-2:2004 (E)] (b)	< 1 CFU /mL	02/04/2018
9	Listeria monocytogenes	TCVN 7700-2:2007 [ISO 11290-2:1998 with Amendment 1:2004]	< 1 CFU /mL	02/04/2018

Mã số mẫu: 05429.18

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

-(a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.

-(b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính



Số: 006219 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05431.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU – VINAMILK ADM GOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-20
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aldrin và dieldrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
2	Endosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
3	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
4	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
5	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
6	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
7	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
8	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
9	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	10/04/2018
10	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
11	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
12	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05431.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	05/04/2018
14	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
15	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
16	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
17	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
18	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
19	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
20	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
21	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
22	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
23	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
24	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
25	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
26	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
27	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
28	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
29	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	03/04/2018
30	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	03/04/2018
31	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
32	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
33	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
34	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
35	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
36	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
37	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	09/04/2018
38	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	05/04/2018



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
40	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
41	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
42	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
43	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
44	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
45	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
46	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
47	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
48	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	08/04/2018
49	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2018
50	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
51	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
52	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
53	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
54	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
55	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
56	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
57	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/04/2018
58	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
59	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
60	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
61	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
62	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
63	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
64	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05431.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	05/04/2018
66	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
67	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
68	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	09/04/2018
69	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
70	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
71	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
72	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
73	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
74	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
75	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
76	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
77	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
78	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
79	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	05/04/2018
80	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
81	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
82	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
83	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
84	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
85	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
86	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
87	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
88	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
89	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
90	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 05431.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
91	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
92	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
93	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
94	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
95	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
96	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS.BS Đặng Văn Chính





Số: 007275 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05430.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG HƯƠNG DẦU – VINAMILK ADM GOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-20
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 02/04/2018
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
2	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	05/04/2018
3	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	05/04/2018
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	05/04/2018
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
8	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	05/04/2018
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	05/04/2018
10	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2018
11	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	07/04/2018

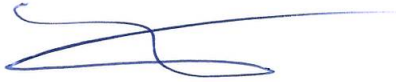
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1,0 µg/kg	07/04/2018
14	Clortetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	06/04/2018
15	Oxytetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	06/04/2018
16	Tetracyclin	Ref. AOAC 995.09	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/kg	06/04/2018
17	Dihydrostreptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
18	Streptomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
19	Gentamicin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
20	Spiramycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 5,0 µg/kg	07/04/2018
21	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
22	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
23	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	06/04/2018
24	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
25	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
26	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
27	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
28	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
29	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
30	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
31	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
32	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
33	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
34	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
35	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
36	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
37	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05430.18

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 006135/VYTCC ban hành ngày 11/04/2018 về việc đổi chỉ tiêu Cypermethrin thành Cypermethrin và alpha-cypermethrin.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM**



Ths. Nguyễn Đức Thịnh



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Ths.Bs Phạm Kim Anh

